TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2019
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trung Kiên;
2. Bà Phạm Thị Dung;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2017/TLST - HNGĐ ngày 08/7/2017 vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2019 giữa :

Nguyên đơn**:** Anh Nguyễn Ngọc S- sinh năm 1979.
Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

Bị đơn: Chị Đinh Thị Như Q - Sinh năm 1986.
Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Strình bày: Anh và chị Đinh Thị Như Q tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng vẫn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Q không chung thủy và có mối quan hệ với người khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Anh S và gia đình đã khuyên giải động viên chị Q nhiều lần nhưng chị Q vẫn không thay đổi. Đến nay anh Nguyễn Ngọc Sxác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Như Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 07/11/2005 và cháu Nguyễn Ngọc L sinh ngày 09/4/2011. Khi ly hôn anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Ngọc Skhông yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Đinh Thị Như Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc Stự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2005 không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như anh S trình bày là đúng. Đến nay anh S làm đơn xin ly hôn, chị Q cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung. Về tên, tuổi các cháu như anh S trình bày là đúng. Khi ly hôn, chị Q nhất trí để anh Nguyễn Ngọc Strực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Nguyễn Ngọc Nvà Nguyễn Ngọc L đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Ngọc Svà chị Đinh Thị Như Q vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Ngọc Strên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Ngọc Svà chị Đinh Thị Như Q chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Tuy nhiên việc chung sống của anh S và chị Q là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình và hướng dẫn của nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa Anh S và chị Q là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Q không chung thủy, có mối quan hệ với người khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Đến nay anh Nguyễn Ngọc Sxác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Đinh Thị Như Q. Chị Đinh Thị Như Q cũng xác định tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc S, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S và chị Q là phù hợp điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Nguyễn Ngọc N sinh ngày 07/11/2005 và cháu Nguyễn Ngọc L sinh ngày

09/4/2011. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh S và chị Q đều thống nhất thỏa thuận để anh Nguyễn Ngọc Strực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh S đang làm thợ xây, mức thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận trên giữa các đương sự là phù hợp với điều 15; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh S, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc Sphải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9; khoản 1 điều 14; điều 15; khoản 2 điều 53; điều 81; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc Svà chị Đinh Thị Như Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao cháu Nguyễn Ngọc Nam sinh ngày 07/11/2005 và cháu Nguyễn Ngọc Lâm sinh ngày 09/4/2011 cho anh Nguyễn Ngọc Strực tiếp, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. chị Đinh Thị Như Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001572 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Anh S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện B;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh